

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

140
CHI
CỔ
NH
NST
VIỆ
TẠI
KIẾ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1000400095, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Công ty có trụ sở chính tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Mạnh Thường	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Toàn	Thành viên
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Mai	Giám đốc
Ông Trịnh Tấn Hoàng	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Mạnh Thường, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Thị Mai
Giám đốc

Ngày 6 tháng 2 năm 2015



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61153178/17331348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty"), được lập Ngày 6 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành các thủ tục kiểm toán cần thiết đối với các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 510 – Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu kỳ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Đình Cường

Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		382.530.781.464	336.557.443.853
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	17.979.311.896	28.146.293.796
111	1. Tiền		11.327.374.408	7.844.530.772
112	2. Tương đương tiền		6.651.937.488	20.301.763.024
120	II. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		180.000.000.000	1.500.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	180.000.000.000	1.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		148.835.060.027	146.492.409.024
131	1. Phải thu khách hàng	6	139.812.834.873	145.649.901.147
132	2. Trả trước cho người bán		9.021.817.510	842.100.233
135	3. Các khoản phải thu khác		407.644	407.644
140	IV. Hàng tồn kho		32.813.449.063	155.936.703.764
141	1. Hàng tồn kho	7	32.813.449.063	155.936.703.764
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.902.960.478	4.482.037.269
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		494.563.285	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.408.397.193	4.482.037.269
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		179.172.086.800	195.555.538.228
220	I. Tài sản cố định		178.170.446.550	195.160.295.031
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	178.170.446.550	195.160.295.031
222	Nguyên giá		290.175.924.675	287.804.563.782
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(112.005.478.125)	(92.644.268.751)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.001.640.250	395.243.197
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.001.640.250	395.243.197
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		561.702.868.264	532.112.982.081

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		410.979.997.609	423.488.870.624
310	I. Nợ ngắn hạn		270.166.109.526	292.293.121.458
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	126.173.863.019	106.389.071.646
312	2. Phải trả người bán	11	66.819.719.337	110.476.675.402
313	3. Người mua trả tiền trước		3.270.719.245	621.504.881
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	27.252.740.049	29.307.832.464
315	5. Phải trả người lao động		1.277.545.413	-
316	6. Chi phí phải trả	13	43.762.775.021	43.655.444.144
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	1.608.747.442	1.842.592.921
330	II. Nợ dài hạn		140.813.888.083	131.195.749.166
334	1. Vay và nợ dài hạn	15	140.813.888.083	131.195.749.166
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		150.722.870.655	108.624.111.457
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	150.722.870.655	108.624.111.457
411	1. Vốn cổ phần đã góp		150.000.000.000	150.000.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế)		722.870.655	(41.375.888.543)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		561.702.868.264	532.112.982.081

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại: - Đô la Mỹ (USD)	506.076	217.289


Hoàng Khắc Huy
Người lập


Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Mai
Giám đốc



Ngày 6 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	17.1	839.275.778.006	623.638.274.597
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17.1	(254.952.000)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	17.1	839.020.826.006	623.638.274.597
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(761.058.822.561)	(586.234.717.634)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		77.962.003.445	37.403.556.963
21	6. Doanh thu tài chính	17.2	3.371.699.238	2.427.757.270
22	7. Chi phí tài chính	19	(29.680.439.297)	(25.112.413.507)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(25.037.718.234)	(22.537.329.897)
24	8. Chi phí bán hàng		(6.249.683.753)	(2.761.986.559)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(6.764.709.550)	(5.772.584.010)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.638.870.083	6.184.330.157
31	11. Thu nhập khác	20	6.331.377.310	785.200.764
32	12. Chi phí khác	20	(2.161.352.647)	(336.162.871)
40	13. Lợi nhuận khác		4.170.024.663	449.037.893
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		42.808.894.746	6.633.368.050
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	(710.135.548)	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		42.098.759.198	6.633.368.050



Hoàng Khắc Huy
Người lập



Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Mai
Giám đốc

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		42.808.894.746	6.633.368.050
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	9	19.361.209.374	19.116.509.718
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(1.160.113.495)	(838.873.252)
05	Lãi tiền gửi	17.2	(411.446.402)	(1.171.832.541)
06	Chi phí lãi vay	19	25.037.718.234	22.537.329.897
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		85.636.262.457	46.276.501.872
09	Tăng các khoản phải thu		(11.566.303.169)	(50.694.013.644)
10	Giảm hàng tồn kho		123.123.254.701	104.979.022.860
11	Giảm các khoản phải trả		(54.767.756.709)	(136.215.533.869)
12	Tăng chi phí trả trước		(1.100.960.338)	(395.243.197)
13	Tiền lãi vay đã trả		(26.628.818)	(578.704.343)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		141.297.868.124	(36.627.970.321)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(2.371.360.893)	(9.134.735.759)
23	Tiền chi cho vay		(217.873.062.512)	(62.085.411.848)
24	Tiền thu hồi cho vay		39.373.062.512	68.062.405.750
27	Tiền thu lãi tiền gửi		411.446.402	1.171.832.541
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(180.459.914.491)	(1.985.909.316)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	16	-	40.000.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		417.284.322.859	131.519.797.836
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(388.289.258.392)	(105.383.631.678)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		28.995.064.467	66.136.166.158

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm	4	(10.166.981.900)	27.522.286.521
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.146.293.796	624.007.275
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	17.979.311.896	28.146.293.796



Hoàng Khắc Huy
Người lập



Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Mai
Giám đốc

Ngày 6 tháng 2 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ("Công ty"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1000400095, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 30 tháng 10 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 12 năm 2013.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sợi.

Công ty có trụ sở chính tại Lô A3, Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, đường Trần Thái Tông, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 307 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 175 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa thương mại - Chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
Máy móc, thiết bị	11 – 15 năm
Phương tiện vận tải	7 năm

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Một số loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần trong vòng 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Thông tư 210 chưa có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	146.977.707	-
Tiền gửi ngân hàng	11.180.396.701	7.844.530.772
Các khoản tương đương tiền (*)	6.651.937.488	20.301.763.024
TỔNG CỘNG	17.979.311.896	28.146.293.796

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ tại ngân hàng với kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 3,5%-6%/năm. Ngoài ra, trong các khoản tương đương tiền này, có một số khoản được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thêm Thuyết minh số 10).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường vay tín chấp với lãi suất 7%/năm sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Thuyết minh số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	42.524.115.708	474.808.953
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	97.288.719.165	145.175.092.194
TỔNG CỘNG	139.812.834.873	145.649.901.147

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	7.232.181.274	659.215.650
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	807.983.064	96.993.780.811
Công cụ và phụ tùng thay thế	1.521.268.600	4.351.758.814
Phế liệu thu hồi	652.470.120	652.611.994
Chi phí sản xuất dở dang	3.163.039.156	-
Thành phẩm	16.887.863.210	41.458.718.255
Hàng hóa	2.548.643.639	11.820.618.240
TỔNG CỘNG	32.813.449.063	155.936.703.764

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có một số hàng tồn kho được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (xem chi tiết tại Thuyết minh số 10).

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn để mở thư tín dụng tại Ngân hàng	2.408.397.193	4.482.037.269
TỔNG CỘNG	2.408.397.193	4.482.037.269

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VNĐ			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	13.105.882.323	274.698.681.459	-	287.804.563.782
Mua trong năm	-	1.953.179.075	418.181.818	2.371.360.893
Số dư cuối năm	13.105.882.323	276.651.860.534	418.181.818	290.175.924.675
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số dư đầu năm	4.695.504.046	87.948.764.705	-	92.644.268.751
Khấu hao trong năm	873.725.488	18.450.211.160	37.272.726	19.361.209.374
Số dư cuối năm	5.569.229.534	106.398.975.865	37.272.726	112.005.478.125
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	8.410.378.277	186.749.916.754	-	195.160.295.031
Số dư cuối năm	7.536.652.789	170.252.884.669	380.909.092	178.170.446.550

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, một số tài sản cố định là nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất thuộc Nhà máy kéo sợi công suất 4.500 tấn/năm đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Bình và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bắc Hà Nội như được trình bày trong Thuyết minh số 10 và Thuyết minh số 15.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	119.018.863.019	88.329.071.646
Nợ dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 15)	7.155.000.000	18.060.000.000
TỔNG CỘNG	126.173.863.019	106.389.071.646

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. VAY VÀ NỢ NGÁN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Số cuối năm					
Bên cho vay/Hợp đồng vay	VNĐ tương đương	Gốc nguyên tệ	Thời hạn và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - chi nhánh Hải Phòng (HD Bank)					
- Hợp đồng vay số 0399/2014/HĐTD HM-DN ngày 3 tháng 7 năm 2014	58.770.252.436	USD 2.662.842	12 tháng, đáo hạn ngày 3 tháng 7 năm 2015	3% - 3,75%	- Tiền gửi, tiền ký quỹ của Công ty tại HD Bank; - Hàng hóa nhập khẩu của Công ty là bóng, xơ được thanh toán hoặc bảo lãnh thư tín dụng qua HD bank; - Thành phẩm tại kho chờ xuất khẩu của Công ty; - Nhà cửa, vật kiến trúc và dây truyền máy móc sản xuất trên đất (ngoại trừ nhà xưởng sản xuất sợi PE) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường theo điều khoản số 3 về tài sản đảm bảo trong hợp đồng tín dụng hạn mức số 0399/2014/HĐTDHM-DN ký ngày 3 tháng 7 năm 2014.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Hà Nội					
- Hợp đồng vay số 01/2014/1497403 /HĐTD ngày 2 tháng 6 năm 2014	54.284.858.383	VNĐ 54.284.858.383	12 tháng, đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2015	7% - 8%	- Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty; - Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư từ vốn tự có và vốn vay của Ngân hàng Phát triển và Ngân hàng BIDV Bắc Hà Nội là Nhà máy kéo sợi công suất 4.500 tấn/năm của Công ty; - Các tài sản đảm bảo khác bao gồm: - Quyền sử dụng đất và biệt thự trên đất ký hiệu FA-14 tại Khu biệt thự Bảo Sơn Paradise - Công viên Thiên đường Bảo Sơn; - Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số nhà 287 phố Lý Thường Kiệt, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình của Ông Lê Mạnh Thường; 4 xe ô tô bao gồm 1 xe con, 2 xe tải và 1 xe 16 chỗ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường; - Máy xé kiện bông model FA002 và máy ghép cũi model FA306A của Công ty.
	5.963.752.200	USD 280.700		5%	
	119.018.863.019				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	66.317.460.811	42.700.454.357
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 23)	502.258.526	67.776.221.045
TỔNG CỘNG	66.819.719.337	110.476.675.402

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	710.135.548	-
Thuế giá trị gia tăng	26.542.604.351	29.307.832.464
TỔNG CỘNG	27.252.740.049	29.307.832.464

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	42.874.643.180	43.290.529.508
Các chi phí phải trả khác	888.131.841	364.914.636
TỔNG CỘNG	43.762.775.021	43.655.444.144

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	97.508.000	34.548.000
Bảo hiểm xã hội	651.462.521	1.808.044.921
Phải trả khác	859.776.921	-
TỔNG CỘNG	1.608.747.442	1.842.592.921

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	147.968.888.083	149.255.749.166
TỔNG CỘNG	147.968.888.083	149.255.749.166
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 10)	7.155.000.000	18.060.000.000
Nợ dài hạn	140.813.888.083	131.195.749.166

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bên cho vay/Hợp đồng vay	VND tương đương	Gốc nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Bình					
- Hợp đồng vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước số 03/2007/HĐTĐ ngày 10 tháng 1 năm 2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03/2014/HĐTĐT-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014;	100.590.761.349	VND 100.590.761.349	Lãi và gốc trả theo tháng bắt đầu từ tháng 1 năm 2015 đến tháng 1 năm 2023 (*)	7,8%	- Tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là Nhà máy kéo sợi công suất 4.500 tấn/năm của Công ty; - Tài sản thế chấp khác của Công ty tương đương tối thiểu 10% tổng số vốn vay để bảo đảm tiền vay.
- Hợp đồng vay vốn ODA KFW số 01/2007/PL/HĐTĐ ngày 13 tháng 6 năm 2007 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01A/2014/HĐODA-NHPT ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	4.800.000.000	VND 4.800.000.000			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Bắc Hà Nội					
Hợp đồng tín dụng số 150/2007/0320 ngày 6 tháng 3 năm 2007	40.424.410.212	VND 40.424.410.212	Lãi và gốc trả hàng quý, kỳ trả gốc cuối là quý 4 năm 2018	10,7%	Toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là Nhà máy kéo sợi công suất 6,5% 4.500 tấn/năm của Công ty.
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	2.355.000.000	USD 367.113			
TỔNG CỘNG	147.968.888.083				

(*) Theo Phụ lục hợp đồng số 03/2014/HĐTĐT-NHPT và 01A/2014/HĐODA-NHPT giữa Công ty và Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Bình ký ngày 31 tháng 12 năm 2014, Khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thái Bình liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy kéo sợi công suất 4.500 tấn/năm đã được tái cơ cấu, và lần trả nợ gốc cuối cùng là tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn cổ phần đã góp	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Năm trước			
Số dư đầu năm	110.000.000.000	(48.009.256.593)	61.990.743.407
Tăng vốn	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	6.633.368.050	6.633.368.050
Số cuối năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>(41.375.888.543)</u>	<u>108.624.111.457</u>
Năm nay			
Số dư đầu năm	150.000.000.000	(41.375.888.543)	108.624.111.457
Lợi nhuận trong năm	-	42.098.759.198	42.098.759.198
Số cuối năm	<u>150.000.000.000</u>	<u>722.870.655</u>	<u>150.722.870.655</u>

16.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	Mệnh giá vốn góp	Số lượng cổ phiếu	%	Mệnh giá vốn góp	Số lượng cổ phiếu	%
Ông Lê Mạnh Thường	120.000.000.000	12.000.000	80%	120.000.000.000	12.000.000	80%
Ông Phạm Thành Đông	15.000.000.000	1.500.000	10%	15.000.000.000	1.500.000	10%
Ông Phạm Ngọc Toàn	15.000.000.000	1.500.000	10%	15.000.000.000	1.500.000	10%
	<u>150.000.000.000</u>	<u>15.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>150.000.000.000</u>	<u>15.000.000</u>	<u>100%</u>

16.3 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Số lượng	Tổng giá trị sổ sách của vốn góp	Số lượng	Tổng giá trị sổ sách của vốn góp
Cổ phiếu phổ thông đã được phát hành, góp vốn và đang lưu hành	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2013: 10.000 VNĐ)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	839.275.778.006	623.638.274.597
Doanh thu bán thành phẩm	409.849.526.070	435.007.686.734
Doanh thu bán nguyên liệu và hàng hóa	429.426.251.936	188.630.587.863
Các khoản giảm trừ doanh thu	254.952.000	-
Chiết khấu thương mại	254.952.000	-
Doanh thu thuần	839.020.826.006	623.638.274.597
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	409.594.574.070	435.007.686.734
Doanh thu bán nguyên liệu và hàng hóa	429.426.251.936	188.630.587.863

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	411.446.402	1.171.832.541
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.960.252.836	1.255.924.729
TỔNG CỘNG	3.371.699.238	2.427.757.270

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	369.673.594.165	401.808.278.773
Giá vốn của nguyên vật liệu và hàng hóa đã bán	391.385.228.396	184.426.438.861
TỔNG CỘNG	761.058.822.561	586.234.717.634

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.037.718.234	22.537.329.897
Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	1.517.810	73.781.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.641.203.253	2.501.302.491
TỔNG CỘNG	29.680.439.297	25.112.413.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.331.377.310	785.200.764
Lãi vay năm 2013 được miễn (*)	5.021.210.146	-
Thu nhập khác	1.310.167.164	785.200.764
Chi phí khác	2.161.352.647	336.162.871
Chi phí khác	2.161.352.647	336.162.871
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	4.170.024.663	449.037.893

(*) Lãi vay được miễn theo đối chiếu lãi vay năm 2014 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân ngày 6 tháng 1 năm 2015.

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	310.919.895.669	199.693.696.941
Chi phí nhân công	13.966.007.099	10.022.762.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.361.209.374	19.116.508.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài và hàng bán thương mại	438.696.591.421	236.613.452.890
Chi phí khác	2.348.918.740	2.373.759.742
	785.292.622.303	467.820.180.763

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 15% lợi nhuận chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ năm đầu tiên Dự án hoạt động (là năm 2009). Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đầu tư số 08201000002 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Bình cấp ngày 4 tháng 1 năm 2007, Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (là năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

22.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán và lợi nhuận chịu thuế của Công ty.

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	42.808.894.746	6.633.368.050
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các chi phí không được khấu trừ	2.695.001.436	1.303.948.643
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	45.503.896.182	7.937.316.693
Lỗ các năm trước chuyển sang (*)	(36.035.422.215)	(7.937.316.693)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	9.468.473.967	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	710.135.548	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	710.135.548	-

(*) Công ty đã được cơ quan thuế địa phương thanh tra số liệu tới ngày 30 tháng 9 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			Đơn vị tính: VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Công ty cùng chủ sở hữu	Bán thành phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu, phế liệu	319.262.008.310
		Thu tiền bán hàng	223.622.968.010
		Cho vay ngắn hạn	180.000.000.000
		Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	54.647.225.270
		Thanh toán tiền mua hàng hóa, nguyên vật liệu	123.321.017.707
		Mua dịch vụ gia công	15.090.033.619
		Nhận tiền vay	3.220.000.000
		Trả tiền vay	4.613.952.200
		Mượn vật liệu phụ, phụ tùng	1.694.050.545
		Trả lại vật liệu, phụ tùng	3.336.337.548
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Dacutex	Bên liên quan khác	Bán thành phẩm	15.304.488.563
		Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	29.388.661.558
		Mua tài sản	1.118.991.725
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	Bên liên quan khác	Bán thành phẩm, hàng hóa	4.586.894.900
		Thu tiền bán hàng	229.000.000
		Mua nguyên vật liệu	6.687.718.500
		Trả tiền mua nguyên vật liệu	13.360.410.250
		Thu hồi tiền cho vay không lãi	19.311.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Phú Hoàng Phát	Bên liên quan khác	Bán thành phẩm, hàng hóa	2.142.022.400
		Thu tiền bán hàng	2.435.000.000
		Trả tiền mua nguyên vật liệu	1.356.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Vinaland	Bên liên quan khác	Trả tiền mua hàng	41.262.346.879
Công ty Cổ phần Tân An	Bên liên quan khác	Bán thành phẩm, hàng hóa	29.184.443.376
Công ty Cổ phần đầu tư 3GR	Bên liên quan khác	Bán thành phẩm, hàng hóa	7.641.040.679
		Thu tiền bán hàng	6.829.290.000
		Mua nguyên vật liệu	24.104.307.360
		Trả tiền mua nguyên vật liệu	28.947.498.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch mua bán với các bên liên quan được thực hiện trên nguyên tắc đàm phán hợp đồng dựa trên giá thị trường tại cùng thời điểm.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cân trừ công nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2013: 0 đồng Việt Nam). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VNĐ			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 5)			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Công ty cùng chủ sở hữu	Cho vay ngắn hạn	180.000.000.000
			180.000.000.000

Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Cường	Công ty cùng chủ sở hữu	Bán hàng hóa	14.778.860.693
Công ty Cổ phần Tân An	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	59.103.241.828
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Dacutex	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	16.473.917.684
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Tân Phú	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	3.466.972.008
Công ty TNHH Vĩnh Phát	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	3.465.726.952
			97.288.719.165

Phải trả người bán (Thuyết minh số 11)

Công ty Cổ phần Đầu tư 3GR	Bên liên quan khác	Bán hàng hóa	502.258.526
			502.258.526

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	253.100.000	-
Các phúc lợi khác	3.000.000	-
TỔNG CỘNG	256.100.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê đất

Công ty thuê đất để xây dựng nhà máy kéo sợi từ chính quyền địa phương theo các hợp đồng thuê hoạt động với điều khoản trả tiền thuê đất hàng năm. Theo Quyết định số 2408/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Thái Bình ra ngày 8 tháng 12 năm 2014, Công ty được ưu đãi miễn tiền thuê đất từ năm 2014 đến hết năm 2019. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có cam kết về tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo thời hạn hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trên 5 năm	6.198.765.899	6.198.765.899
TỔNG CỘNG	6.198.765.899	6.198.765.899

Cam kết mua hàng

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các cam kết mua hàng theo các hợp đồng kinh tế với giá trị là 56.461.481.250 VNĐ và dự kiến thực hiện và thanh toán trong năm 2015.

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau (tác động đến vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể):

		Đơn vị tính: VNĐ
	Tăng/(giảm) điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2014		
VNĐ	+100	(1.953.306.197)
VNĐ	-100	1.953.306.197
USD	+100	(716.571.314)
USD	-100	716.571.314
Năm 2013		
VNĐ	+100	(1.573.632.430)
VNĐ	-100	1.573.632.430
USD	+100	(802.215.778)
USD	-100	802.215.778

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được tính dựa trên mức độ biến động thực tế của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty trong kỳ và giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hoá bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty (VNĐ). Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

	<i>Thay đổi tỷ giá USD/VND</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	+1,4%	(1.125.090.306)
	-1,4%	1.125.090.306
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	+1,3%	(1.257.015.468)
	-1,3%	1.257.015.468

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá chủ yếu là nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cung cấp nguyên vật liệu và thông qua các nhà cung cấp nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu từ bên liên quan chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2014:					
Các khoản vay và nợ	-	126.173.863.019	140.813.888.083	-	266.987.751.102
Phải trả người bán	66.819.719.337	-	-	-	66.819.719.337
Chi phí phải trả	43.762.775.021	-	-	-	43.762.775.021
	110.582.494.358	126.173.863.019	140.813.888.083	-	377.570.245.460
Ngày 31 tháng 12 năm 2013:					
Các khoản vay và nợ	-	106.389.071.646	131.195.749.166	-	237.584.820.812
Phải trả người bán	110.476.675.402	-	-	-	110.476.675.402
Chi phí phải trả	43.655.444.144	-	-	-	43.655.444.144
	154.132.119.546	106.389.071.646	131.195.749.166	-	391.716.940.359

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VNĐ
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
Tài sản tài chính					
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180.000.000.000	1.500.000.000	180.000.000.000	1.500.000.000	
Phải thu khách hàng	139.812.834.873	145.649.901.147	139.812.834.873	145.649.901.147	
Phải thu khác	407.644	407.644	407.644	407.644	
Tài sản ngắn hạn khác	2.408.397.193	4.482.037.269	2.408.397.193	4.482.037.269	
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.979.311.896	28.146.293.796	17.979.311.896	28.146.293.796	
	340.200.951.606	179.778.639.856	340.200.951.606	179.778.639.856	
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	266.987.751.102	237.584.820.812	266.987.751.102	237.584.820.812	
Phải trả người bán	66.819.719.337	110.476.675.402	66.819.719.337	110.476.675.402	
Chi phí phải trả	43.762.775.021	43.655.444.144	43.762.775.021	43.655.444.144	
TỔNG CỘNG	377.570.245.460	391.716.940.359	377.570.245.460	391.716.940.359	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các công cụ phải trả tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



Hoàng Khắc Huy
Người lập



Nguyễn Đức Cảnh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Mai
Giám đốc



Ngày 6 tháng 2 năm 2015